TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST Ngày: 10-10-2018 V/v: ly hôn giữa bà Y và ông L	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Diệp Lai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thương

Bà Lê Thị Kim Phượng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Quỳnh Như -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10-10-2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2018/TLST-HNGĐ ngày 28-03-2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23-08-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18-09-2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị Hải Y - sn:1988 (có mặt)

HKTT: xóm 7, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Tạm trú: khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh BRVT.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Đình L - sn:1986 (vắng mặt)

HKTT: xóm 7, xã Xuân Phố, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Tạm trú: khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh BRVT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-03-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Dương Thị Hải Y trình bày:

Về hôn nhân: Bà Y và ông L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30 ngày 24-09-2013. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới. Sau khi lấy nhau vợ chồng về chung sống và làm ăn tại khu phố H, thị trấn P, tỉnh BRVT. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng một tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do ông L thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà kiếm chuyện gây gổ với bà Y và đập phá đồ đạc trong nhà. Mâu thuẩn phát sinh trầm trọng vào đầu tháng 03/2018, ông L và bà Y xảy ra gây gổ lớn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2018 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên cũng có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay bà Y cảm thấy không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về nuôi con chung: Bà Y và ông L không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Bị đơn ông Trần Đình L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay ông L vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS, tuy nhiên còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử và bị đơn không chấp hành theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy hôn nhân giữa bà Y và ông L là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, chung sống một tháng thì phát sinh mâu thuẩn do ông L thường xuyên nhậu nhẹt, về gây sự dẫn đến cãi nhau, đập phá đồ đạc trong nhà, hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2018. Mặc dù ông L vẫn ở chung nhà hai bên có hòa giải nhưng không thành. Nay bà Y yêu cầu ly hôn với ông L,

ông L không tham gia tố tụng thể hiện ông L cũng không quan tâm đến việc hàn gắn hôn nhân. Nhận thấy đời sống hôn nhân của hai bên có mâu thuẩn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y. Bà Y và ông L không có con chung. Bà Y không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nhận định:

[1]*Về thẩm quyền*: Đây là quan hệ về tranh chấp ly hôn và bị đơn trú tại huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT (BL 04,07,08) nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

[2]*Về tố tụng*: Ông L dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt ông L là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]*Về yêu cầu*:

[3.1]*Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa bà Yên và ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30 ngày 24-09-2013 (BL 03) nên là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẩn giữa vợ chồng theo bà Y thì vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng một tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do ông L thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà kiếm chuyện gây gổ với bà Y và đập phá đồ đạc trong nhà. Mâu thuẩn phát sinh trầm trọng vào đầu tháng 03/2018, ông L và bà Y xảy ra gây gổ lớn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2018 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên cũng có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay bà Y cảm thấy không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu được ly hôn với ông L. Ông L dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Qua thực tế xác minh tại địa phương nơi bà Y, ông L sinh sống thì vợ chồng có mâu thuẩn nhưng nguyên nhân mâu thuẩn thì địa phương không rõ (BL 16) nên xét thấy vợ chồng chung sống mà

không quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống, đã sống ly thân nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của bà Y là có cơ sở nên chấp nhận theo yêu cầu của bà Y là được ly hôn với ông L.

[3.2]*Về nuôi con chung*: Bà Y và ông L không có con chung.

[3.3]*Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Y không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, nếu sau này các bên liên quan có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật, điều này phù hợp với quy định tại Điều 59, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]*Về án phí*: Do là nguyên đơn nên bà Y phải chịu án phí ly hôn theo loại án phí không có giá ngạch được quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]*Về quyền kháng cáo*: Bà Y và ông L được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 57, 59 và 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Hải Y đối với ông Trần Đình L.

1. Về hôn nhân: Bà Dương Thị Hải Y được ly hôn với ông Trần Đình L.

2. Về nuôi con chung: Bà Y và ông L không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Y phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà

bà Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008226 ngày 23-03-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà Y đã nộp đủ án phí ly hôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BRVT;
-VKSND tỉnh BRVT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
-UBND nơi ĐKKH;
-Người tham gia tố tụng;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ngô Diệp Lai